

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮ VIGLACERA THANH TRÌ

Năm báo cáo/Year: 2016

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Thanh Tri Sanitary Ware Joint Stock Company
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: 0100107557
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 15.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 15.000.000.000 đồng
- Địa chỉ/*Address*: Đường Nguyễn Khoái, Phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, Thành Phố Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 043 8611056
- Số fax/*Fax*: 043 8613147
- Website: <http://viglacera ThanhTri.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: TVA

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ *Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì ngày nay tiền thân là xưởng Gạch Thanh Trì được thành lập ngày 22/3/1961 với khoảng 100 cán bộ, công nhân viên, đến tháng 7/1964, xưởng Gạch Thanh Trì đã được nâng cấp thành Xí nghiệp Gạch Thanh Trì. Sau năm 1975 Xí nghiệp Gạch Thanh Trì được đổi tên thành Nhà máy Sành sứ xây dựng Thanh Trì, với nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất chủ yếu là gạch men kính và sứ vệ sinh. Với điều kiện công nghệ lúc đó, sản phẩm gạch men kính chủ yếu là kích thước nhỏ 110x110mm, sứ vệ sinh mới chỉ là các xí xồm, chậu rửa kiểu treo đơn giản và chất lượng thấp. Năm 1993, trong điều kiện hết sức khó khăn, Nhà máy đã mạnh dạn xây dựng dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp với công nghệ và thiết bị tiên tiến của Italy công suất 75.000 sản phẩm/năm. Bằng nỗ lực hết mình của mỗi cán bộ, công nhân viên,

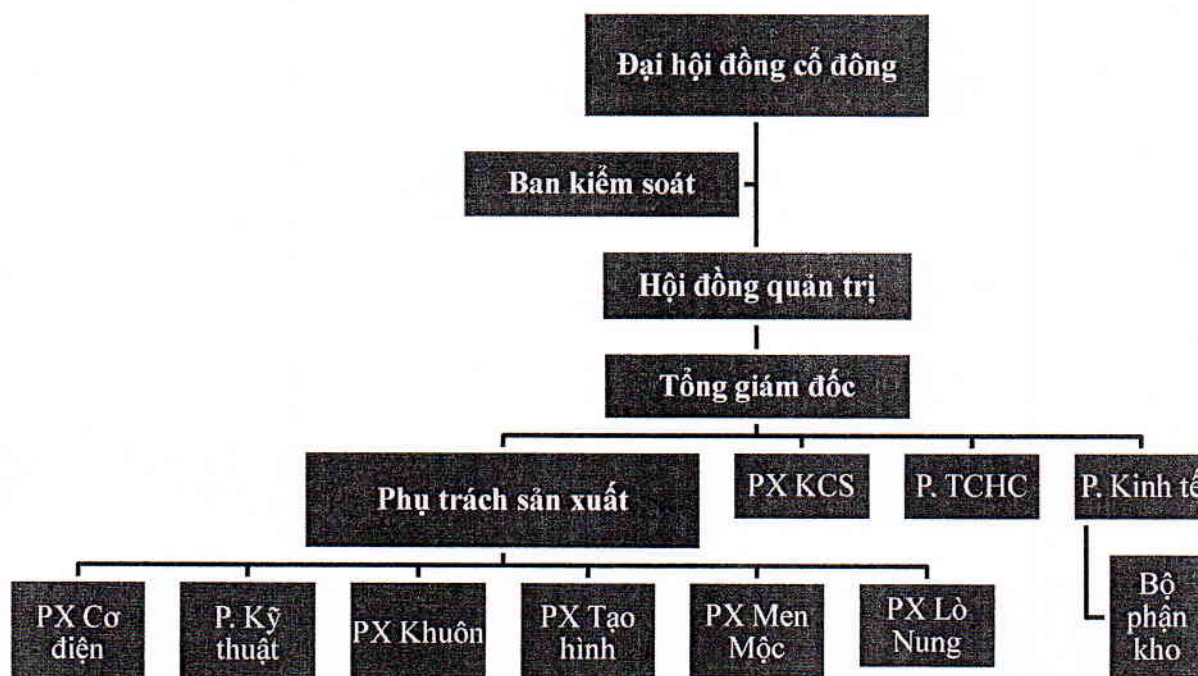
sự năng động và quyết tâm của lãnh đạo, dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp đầu tiên tại Việt Nam đã đi vào hoạt động, cho ra lò những sản phẩm sứ vệ sinh cao cấp đạt tiêu chuẩn châu Âu. Cũng từ đây, Nhà máy được đổi tên thành Công ty Sứ Thanh Trì. Năm 2008 Công ty cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì. Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100107557 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06/09/2014

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:*

- *Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): Kinh doanh các sản phẩm sứ vệ sinh, các loại phụ kiện sứ vệ sinh và các loại vật liệu xây dựng khác.
- *Địa bàn kinh doanh/Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*): Miền Bắc, miền Trung, miền Nam, Xuất khẩu

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- *Mô hình quản trị/ Governance model.*



- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.

• **Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

• **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 thành viên:

Ông: Nguyễn Minh Tuấn -Chủ tịch

Ông: Nguyễn Thế Anh -Ủy viên

Ông: Nguyễn Văn Lý -Ủy viên

Ông: Ngô Trung Dũng -Ủy viên

Bà: Ngô Thị Reo -Ủy viên

• **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Ông: Lưu Văn Lầu -Trưởng ban

Ông: Lê Đăng Chung -Thành viên

Ông: Nguyễn Mạnh Sơn -Thành viên

• **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh, sản xuất và công việc khác thuộc thẩm quyền của Công ty. Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

- Ông: Nguyễn Thế Anh - Tổng Giám đốc

- Bà : Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kế toán trưởng

Phòng Tổ chức Hành chính:

Là phòng chuyên môn tham mưu cho HĐQT, TGD Công ty về công tác tổ chức sản xuất,

quản lý và sử dụng lực lượng lao động, thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động. Tham gia công tác thanh tra, bảo vệ quân sự và thi đua khen thưởng, kỷ luật toàn Công ty.

Phòng Tổ chức Hành chính có các nhiệm vụ sau:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty;
- Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ;
- Tổ chức tuyển dụng nhân sự; Quản lý, lưu trữ hồ sơ của CBCNV;
- Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;
- Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty;
- Công tác bảo vệ - quân sự;
- Công tác quản trị văn phòng.

Phòng Kinh tế:

Có chức năng tham mưu cho HĐQT, TGD Công ty về việc triển khai thực hiện công tác tài chính kế toán, thông tin kinh tế và kế toán kinh tế theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời kiểm soát mọi hoạt động kinh tế tài chính của Công ty theo pháp luật. Nội dung cơ bản bao gồm:

- Thu thập, xử lý số liệu kế toán;
- Kiểm tra, giám sát thu chi tài chính;
- Phân tích số liệu kế toán, và đề xuất giải pháp;
- Triển khai thực hiện, giám sát kế hoạch tài chính;
- Thực hiện việc quản lý vật tư, thanh lý tài sản, kiểm kê định kỳ;
- Thực hiện việc làm báo cáo liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty;
- Hướng dẫn, chủ trì xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật.

Phân xưởng KCS:

Phân xưởng KCS có các nhiệm vụ sau:

- Lập kế hoạch, hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm soát và đánh giá các quá trình của hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm trong toàn Công ty, bao gồm: việc lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết kiểm soát chất lượng đối với từng loại sản phẩm; tổ chức kiểm soát, thống kê, đo lường, phân tích đánh giá chất lượng đối với từng loại sản phẩm;
- Thống kê và kiểm soát đầu vào hệ thống tiêu chuẩn của từng loại sản phẩm. Kiểm soát quá trình kiểm nghiệm và hiệu chuẩn máy, thiết bị;
- Chủ trì kiểm soát, thống kê, phân tích sản phẩm không phù hợp; kịp thời chỉ đạo các đơn vị khắc phục và áp dụng các hành động phòng ngừa/cải tiến;

- Cập nhật các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng;
- Thống kê, cập nhật các yêu cầu của khách hàng đối với sản phẩm và phối hợp với các đơn vị chỉ đạo giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm đầu ra trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Phòng;
- Hàng năm tham gia xây dựng mục tiêu chất lượng của Công ty và tổ chức thực hiện, kiểm soát, đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chất lượng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phân xưởng theo sự phân công của Tổng Giám đốc Công ty.

BỘ PHẬN SẢN XUẤT

Bộ phận sản xuất của Công ty là đơn vị trực tiếp thực hiện công tác sản xuất sản phẩm sử dụng sinh theo chỉ tiêu kế hoạch do Công ty giao.

Bộ phận sản xuất gồm các phân xưởng sau:

Phân xưởng Cơ điện

Phòng Kỹ thuật

Phân xưởng Khuôn

Phân xưởng Tạo hình

Phân xưởng Men Mộc

Phân xưởng Lò nung

- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ *(Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies)*).

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*..: Tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*: Trở thành nhà sản xuất sử dụng sinh số 1 tại Việt Nam thông qua việc đầu tư mở rộng sản xuất

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*..: Thân thiện với môi trường, sản xuất sản phẩm tạo ra của cải vật chất cho xã hội.

5. *Các rủi ro/ Risks*: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

- Rủi ro về kinh tế: Năm 2016 nền kinh tế có nhiều biến động nhưng thị trường bất động sản vẫn chưa thực sự khởi sắc
- Rủi ro về lãi suất Ngân hàng: Tỷ giá USD ổn định không biến động.
- Rủi ro trong khâu sản xuất: Công ty đã đầu tư thêm 6 băng bột liền, 2 băng kết nước, 2 máy khử từ điện, 2 máy cung cấp hồ bằng hút chân không và sấy nóng.
- Rủi ro do thiên tai: Năm 2016, hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn do yếu tố thiên tai gây ra

- II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations*

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc...: Hội đồng quản trị Công ty, Ban Giám đốc Công ty luôn bám sát mục tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years.: Năm 2016, lợi nhuận trước thuế đạt 8.917 triệu đồng vượt 127% so với kế hoạch đề ra

2. *Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource*

- *Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:* (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Ông Nguyễn Minh Tuấn- Chủ tịch HĐQT

1.	Họ và tên:	Nguyễn Minh Tuấn
2.	Giới tính:	Nam
3.	Ngày tháng năm sinh:	03 tháng 04 năm 1959
4.	Nơi sinh:	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội
5.	Quốc tịch:	Việt Nam
6.	CMND số:	010411942 Ngày cấp: 11/03/2004 Nơi cấp: Hà Nội
7.	Dân tộc	Kinh

8.	Quê quán	Kiến Hưng - Hà Đông- Hà Nội
9.	Địa chỉ thường trú:	A24 BT1A, Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội
10.	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan: 043556660
11.	Trình độ văn hóa:	10/10
12.	Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
13.	Quá trình công tác:	
	Thời gian	Đơn vị công tác
		Chức vụ
	05/1983 – 03/1993	Nhà máy Sành sứ Thanh Trì
		Kỹ sư hóa
	04/1993 – 12/1996	Công ty Sứ Thanh Trì Hà Nội
		Quản đốc Phân xưởng
	01/1997 – 10/1997	Công ty Sứ Thanh Trì Hà Nội
		Trưởng phòng Kinh doanh
	11/1997 – 07/2001	Công ty Sứ Thanh Trì Hà Nội
		Phó giám đốc
	08/2001 – 03/2004	Công ty Gốm xây dựng Hạ Long
		Giám đốc
	04/2004 – 07/2014	Tổng công ty Viglacera
		Phó tổng giám đốc
		Tổng công ty Viglacera
		Phó tổng giám đốc
	12/2009 – 06/2013	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Tổng công ty Viglacera
		Phó tổng giám đốc
		Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long
		Chủ tịch HĐQT Công ty
	07/2013 – 06/2014	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Tổng công ty Viglacera-CTCP
		Phó tổng giám đốc
	22/07/2014 – 02/2015	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội
		Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì
		Chủ tịch HĐQT Công ty

	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Chủ tịch HĐQT Công ty	
	Tổng công ty Viglacera-CTCP	Phó tổng giám đốc	
	Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Chủ tịch HĐQT Công ty	
	03/2015 – 03/2016	Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Chủ tịch HĐQT Công ty
	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Chủ tịch HĐQT Công ty	
	Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Chủ tịch HĐQT Công ty	
	Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	Chủ tịch HĐQT Công ty	
	04/2016 - nay	Tổng công ty Viglacera-CTCP	Phó tổng giám đốc
		Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long	Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn	Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	Chủ tịch HĐQT Công ty
		Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera	Chủ tịch HĐQT Công ty
14.	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì		
15.	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viglacera Tiên Sơn - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bê tông khí Viglacera		
16.	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 30/11/2016): 385.000 cổ phần (chiếm 25,667% tổng số cổ phần đang lưu hành). <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu: 10.000 cổ phần (chiếm 0,667 % tổng số cổ phần đang lưu hành) • Đại diện : 375.000 cổ phần (chiếm 25% tổng số cổ phần đang lưu hành) 		
17.	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có		
18.	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	

19.	Các khoản nợ đối với Công ty	Không
20.	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
21.	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Ông Nguyễn Thế Anh- Thành viên HĐQT

1	Họ và tên:	Nguyễn Thế Anh																									
2	Giới tính:	Nam																									
3	Ngày tháng năm sinh:	31 tháng 10 năm 1975																									
4	Nơi sinh:	Xã Cổ Tiết- Huyện Tam Nông- Phú Thọ																									
5	Quốc tịch:	Việt Nam																									
6	CMND số:	131121531	Ngày cấp: 09/05/2016 Nơi cấp: Phú Thọ																								
7	Dân tộc	Kinh																									
8	Quê quán	Xã Cổ Tiết- Huyện Tam Nông- Phú Thọ																									
9	Địa chỉ thường trú:	B28.02, Chung cư Thăng Long Numberone - phường Trung Hòa- quận Cầu Giấy- thành phố Hà Nội																									
10	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan: 0438611056; Di động: 0913556838																									
11	Trình độ văn hóa:	12/12																									
12	Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh quốc tế																									
13	Quá trình công tác:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>09/1997 - 04/1998</td> <td>Xí nghiệp VLXD Việt Trì</td> <td>Kỹ sư</td> </tr> <tr> <td>05/1998 - 03/2000</td> <td>Xí nghiệp VLXD Việt Trì</td> <td>Phó Quản đốc Phân xưởng</td> </tr> <tr> <td>04/2000 - 01/2001</td> <td>Xí nghiệp VLXD Việt Trì</td> <td>Phó giám đốc xí nghiệp</td> </tr> <tr> <td>02/2001 - 01/2004</td> <td>Công ty Sứ Việt Trì</td> <td>Phó giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch công đoàn</td> </tr> <tr> <td>02/2004 - 02/2008</td> <td>Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera</td> <td>Chủ tịch công đoàn</td> </tr> <tr> <td>02/2008- 03/2008</td> <td>Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera</td> <td>Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT, Giám đốc Công ty</td> </tr> <tr> <td>03/2008- 08/2014</td> <td>Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera</td> <td>Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT,</td> </tr> </tbody> </table>		Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	09/1997 - 04/1998	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Kỹ sư	05/1998 - 03/2000	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Phó Quản đốc Phân xưởng	04/2000 - 01/2001	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Phó giám đốc xí nghiệp	02/2001 - 01/2004	Công ty Sứ Việt Trì	Phó giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch công đoàn	02/2004 - 02/2008	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Chủ tịch công đoàn	02/2008- 03/2008	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT, Giám đốc Công ty	03/2008- 08/2014	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT,
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ																									
09/1997 - 04/1998	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Kỹ sư																									
05/1998 - 03/2000	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Phó Quản đốc Phân xưởng																									
04/2000 - 01/2001	Xí nghiệp VLXD Việt Trì	Phó giám đốc xí nghiệp																									
02/2001 - 01/2004	Công ty Sứ Việt Trì	Phó giám đốc Công ty kiêm Chủ tịch công đoàn																									
02/2004 - 02/2008	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Chủ tịch công đoàn																									
02/2008- 03/2008	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT, Giám đốc Công ty																									
03/2008- 08/2014	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT,																									

		Giám đốc Công ty
	Công ty CP Thương Mại Viglacera	Ủy viên hội đồng quản trị
	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT, Tổng giám đốc Công ty
09/2014 - nay	Công ty CP Thương Mại Viglacera	Ủy viên hội đồng quản trị
	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Ủy viên hội đồng quản trị
14	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Bí thư Đảng bộ, UVHĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	
15	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: - Ủy viên HĐQT Công ty CP Thương Mại Viglacera - Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Việt Trì Viglacera	
16	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 30/11/2016): 329.400 cổ phần (chiếm 21,96% tổng số cổ phần đang lưu hành). <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành) Đại diện : 329.400 cổ phần (chiếm 21,96% tổng số cổ phần đang lưu hành) 	
17	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có	
18	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
19	Các khoản nợ đối với Công ty	Không
20	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
21	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Ông Nguyễn Văn Lý- Thành viên HĐQT

1	Họ và tên:	Nguyễn Văn Lý
2	Giới tính:	Nam
3	Ngày tháng năm sinh:	16 tháng 09 năm 1973
4	Nơi sinh:	Yên Phương- Yên Lạc- Vĩnh Phúc
5	Quốc tịch:	Việt Nam
6	CMND số:	012159324 Ngày cấp: 09/12/2002 Nơi cấp: Hà Nội
7	Dân tộc	Kinh
8	Quê quán	Yên Phương- Yên Lạc- Vĩnh Phúc

9	Địa chỉ thường trú:	Số 12-IF2, Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội
10	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan: 0438611056; Di động: 0913227569
11	Trình độ văn hóa:	12/12
12	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
13	Quá trình công tác:	
	Thời gian	Đơn vị công tác
		Chức vụ
	12/1992 - 04/1994	Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải
		Nhân viên
	05/1994 - 04/1996	Tổng công ty Viglacera - CTCP (Nay là Công ty cp Thương mại Viglacera - CTCP)
		Nhân viên
	05/1996 - 08/1998	Công ty Nguyên liệu vật tư và Thiết bị (Nay là Công ty CP Nguyên liệu Viglacera)
		Nhân viên tiêu thụ
	09/1998 - 08/2001	Công ty Sứ Thanh Trì (Nay là Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì)
		Nhân viên tiêu thụ
	09/2001 - 1/2003	Công ty Sứ Thanh Trì Viglacera
		Phó phòng kinh doanh
	2/2003 - 9/2004	Công ty Sứ Thanh Trì Viglacera
		Trưởng phòng kinh doanh
	10/2004 - 02/2006	Công ty Sứ Thanh Trì Viglacera
		Trưởng chi nhánh Hồ Chí Minh
	03/2006 - 01/2008	Công ty cp Việt Trì Viglacera
		Phó giám đốc
	02/2008 - 03/2009	Công ty cp Thương mại Viglacera
		Phó Tổng giám đốc
	04/2009 - 03/2013	Công ty cp Thương mại Viglacera
		Tổng giám đốc
		Công ty cp Thương mại Viglacera
		Tổng giám đốc
	03/2013 - nay	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì
		Ủy viên hội đồng quản trị
14	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: UVHĐQT Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	
15	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cp Thương mại Viglacera	
16	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 30/11/2016): 120.000 cổ phần (chiếm 8% tổng số cổ phần đang lưu hành).	

	<ul style="list-style-type: none"> Sở hữu: 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành) Đại diện : 120.000 cổ phần (chiếm 8% tổng số cổ phần đang lưu hành) 	
17	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: không có	
18	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
19	Các khoản nợ đối với Công ty	Không
20	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
21	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Ông Ngô Trung Dũng- Thành viên HĐQT:

1	Họ và tên:	Ngô Trung Dũng																				
2	Giới tính:	Nam																				
3	Ngày tháng năm sinh:	08 tháng 07 năm 1963																				
4	Nơi sinh:	An Cước- Bình Lục- Hà Nam																				
5	Quốc tịch:	Việt Nam																				
6	CMND số:	012620925	Ngày cấp: 19/09/2003	Nơi cấp: Hà nam																		
7	Dân tộc	Kinh																				
8	Quê quán	An Cước- Bình Lục- Hà Nam																				
9	Địa chỉ thường trú:	Số 19A1- Đầm Trấu- Phường Bạch Đằng- Hai Bà Trưng- Hà Nội																				
10	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan:	; Di động: 0903407023																			
11	Trình độ văn hóa:	12/12																				
12	Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh																				
13	Quá trình công tác:	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Đơn vị công tác</th> <th>Chức vụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>05/1987 - 06/1989</td> <td>Nhà máy sành sứ Thanh Trì</td> <td>Công nhân</td> </tr> <tr> <td>07/1989 - 03/1993</td> <td>Công ty Sứ Thanh Trì</td> <td>Cán bộ kỹ thuật</td> </tr> <tr> <td>04/1993 - 04/1996</td> <td>Công ty Sứ Thanh Trì</td> <td>Phụ trách sản xuất</td> </tr> <tr> <td>05/1996- 09/1998</td> <td>Công ty Sứ Thanh Trì</td> <td>Phó giám đốc Công ty</td> </tr> <tr> <td>10/1998 - 06/1999</td> <td>Công ty Sứ Thanh Trì</td> <td>Quyền Giám đốc Công ty</td> </tr> </tbody> </table>			Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	05/1987 - 06/1989	Nhà máy sành sứ Thanh Trì	Công nhân	07/1989 - 03/1993	Công ty Sứ Thanh Trì	Cán bộ kỹ thuật	04/1993 - 04/1996	Công ty Sứ Thanh Trì	Phụ trách sản xuất	05/1996- 09/1998	Công ty Sứ Thanh Trì	Phó giám đốc Công ty	10/1998 - 06/1999	Công ty Sứ Thanh Trì	Quyền Giám đốc Công ty
Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ																				
05/1987 - 06/1989	Nhà máy sành sứ Thanh Trì	Công nhân																				
07/1989 - 03/1993	Công ty Sứ Thanh Trì	Cán bộ kỹ thuật																				
04/1993 - 04/1996	Công ty Sứ Thanh Trì	Phụ trách sản xuất																				
05/1996- 09/1998	Công ty Sứ Thanh Trì	Phó giám đốc Công ty																				
10/1998 - 06/1999	Công ty Sứ Thanh Trì	Quyền Giám đốc Công ty																				

	07/1999 – 11/2005	Công ty CP Tư vấn Viglacera	Giám đốc Công ty
	12/2005 – 01/2008	Công ty CP Sứ Việt Trì Viglacera	Giám đốc Công ty
	02/2008 – 08/2014	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	UV HĐQT, Tổng giám đốc Công ty
	09/2014 - nay	Viện Nghiên cứu Viglacera	Viện trưởng
		Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	UV HĐQT
14	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: UVHĐQT Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì		
15	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Viglacera		
16	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 30/11/2016): 131.007 cổ phần (chiếm 8,734 % tổng số cổ phần đang lưu hành). <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu: 11.007 cổ phần (chiếm 0,734 % tổng số cổ phần đang lưu hành) Đại diện : 120.000 cổ phần (chiếm 8% tổng số cổ phần đang lưu hành) 		
17	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: <ul style="list-style-type: none"> Tên: Hoàng Thị Kim Hạnh (quan hệ: Vợ): 1.144 cổ phiếu (chiếm 0,076 % tổng số cổ phần đang lưu hành) 		
18	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
19	Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
20	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	
21	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	

Bà Ngô Thị Reo- Thành viên HĐQT:

1	Họ và tên:	Ngô Thị Reo
2	Giới tính:	Nữ
3	Ngày tháng năm sinh:	04 tháng 04 năm 1962
4	Nơi sinh:	Xã nghĩa Thịnh- Nghĩa Hưng- Nam Định
5	Quốc tịch:	Việt Nam
6	CMND số:	036162000064 Ngày cấp: 11/03/2004 Nơi cấp: Hà Nội
7	Dân tộc	Kinh
8	Quê quán	Xã nghĩa Thịnh- Nghĩa Hưng- Nam Định
9	Địa chỉ thường trú:	Số 2 A4- Đầm Trấu- Hai Bà Trưng, Hà Nội
10	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan: 043556660; Di động: 0913224442

11	Trình độ văn hóa:	10/10
12	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
13	Quá trình công tác:	
	Thời gian	Đơn vị công tác
		Chức vụ
	6/1984 - 2/1986	Nhà máy tương ván ép sông thao (Nay là Công ty CP Viglacera Việt trì)
		Nhân viên kế toán
	2/1986 - 5/1986	Nhà máy tương ván ép sông thao (Nay là Công ty CP Viglacera Việt trì)
		Phó phòng Kế toán
	5/1986 - 6/1994	Nhà máy tương ván ép sông thao (Nay là Công ty CP Viglacera Việt trì)
		Phụ trách kế toán
	6/1994 - 01/1999	Công ty gổm xây dựng Xuân hoà (Nay là Công ty CP Xuân hoà Viglacera)
		Kế toán trưởng
	01/1999 - 3/2002	Công ty sứ Thanh trì (Nay là Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì)
		Kế toán trưởng
	3/2002 - 11/2004	Tổng công ty thuỷ tinh và gổm xây dựng (Nay là Tổng công ty Viglacera-CTCP)
		Phó phòng Tài chính kế toán
	11/2004 - 4/2008	Công ty sứ Viglacera Thanh trì (Nay là Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì)
		Kế toán trưởng
	4/2008 - 6/2010	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì
		-Kế toán trưởng - Ủy viên HĐQT Công ty
	6/2010 - 5/2012	Tổng công ty Viglacera - CTCP
		Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
		Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì
		Ủy viên HĐQT Công ty
		Tổng công ty Viglacera - CTCP
		Chuyên viên Ban Tài chính kế toán
	5/2012 - 7/2012	Công ty CP Viglacera Đông Triều
		Trưởng ban kiểm soát
		Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì
		Ủy viên HĐQT Công ty
	7/2012 - 6/2013	Tổng công ty Viglacera - CTCP
		Phó phòng phụ trách phòng Kiểm soát nội bộ
		Công ty CP Viglacera Đông Triều
		Trưởng ban kiểm soát

6/2013 - 5/2014	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì	Ủy viên HĐQT Công ty
	Tổng công ty Viglacera - CTCP	Phó phòng phụ trách phòng Kiểm soát nội bộ
	Công ty CP Viglacera Đông Triều	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì	Ủy viên HĐQT Công ty
	Công ty cổ phần kính Viglacera Đáp cầu	Trưởng ban kiểm soát
	Tổng công ty Viglacera - CTCP	Phó phòng phụ trách phòng Kiểm soát nội bộ
5/2014 - 7/2014	Công ty CP Viglacera Đông Triều	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì	Ủy viên HĐQT Công ty
	Công ty cổ phần kính Viglacera Đáp cầu	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty cổ phần Viglacera Hạ long	Thành viên ban kiểm soát
7/2014 – 8/2015	Tổng công ty Viglacera - CTCP	Trưởng phòng Tài chính kế toán thuộc Ban tài chính kế toán
	Công ty CP Viglacera Đông Triều	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì	Ủy viên HĐQT Công ty
	Công ty cổ phần kính Viglacera Đáp cầu	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty cổ phần Viglacera Hạ long	Thành viên ban kiểm soát
	Tổng công ty Viglacera - CTCP	Trưởng phòng Tài chính kế toán thuộc Ban tài chính kế toán
8/2015 - đến nay	Công ty CP Viglacera Đông Triều	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty CP sứ Viglacera Thanh trì	Ủy viên HĐQT Công ty
	Công ty cổ phần kính Viglacera Đáp cầu	Trưởng ban kiểm soát
	Công ty cổ phần Viglacera Hạ long	Thành viên ban kiểm soát

Công ty cổ phần bê tông khí Viglacera		Trưởng ban kiểm soát
14	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì	
15	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: + Trưởng phòng Tài chính kế toán thuộc Ban tài chính kế toán - Tổng công ty Viglacera – CTCP + Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Đông Triều + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần kính Viglacera Đáp Cầu + Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần bê tông khí Viglacera +Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Viglacera Hạ long	
16	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 30/11/2016): 11.052 cổ phần (chiếm 0,7368% tổng số cổ phần đang lưu hành). <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu: 11.052 cổ phần (chiếm 0,7368 % tổng số cổ phần đang lưu hành) • Đại diện : 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành) 	
17	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: <ul style="list-style-type: none"> • Tên: Trần Văn Thanh(quan hệ: Chồng): 7.827cổ phiếu (chiếm 0,522 % tổng số cổ phần đang lưu hành) 	
18	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
19	Các khoản nợ đối với Công ty	Không
20	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không
21	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh- Kế toán trưởng:

1	Họ và tên:	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		
2	Giới tính:	Nữ		
3	Ngày tháng năm sinh:	24 tháng 11 năm 1972		
4	Nơi sinh:	Đông Dư- Gia Lâm- Hà Nội		
5	Quốc tịch:	Việt Nam		
6	CMND số:	011795824	Ngày cấp: 24/02/2006	Nơi cấp: Hà Nội
7	Dân tộc	Kinh		
8	Quê quán	Đông Dư- Gia Lâm- Hà Nội		
9	Địa chỉ thường trú:	P816- Cầu thang 7- CT4- KĐT Sông Đà- Mỹ Đình- Từ Liêm- Hà Nội		

10	Điện thoại liên hệ:	Cơ quan: 0438611056	Di động: 0948776161
11	Trình độ văn hóa:	12/12	
12	Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế	
13	Quá trình công tác:		
	Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	08/1996– 03/2008	Công ty Sứ Thanh Trì – Hà Nội	Cán bộ phòng kế toán
	04/2008- 06/2008	Công ty Gạch ốp lát viglacera Hà Nội	Trưởng phòng kế toán Nhà máy Yên Phong
	07/2008- 05/2010	Công ty Gạch ốp lát viglacera Hà Nội	Phó trưởng phòng TCKT Công ty kiêm TP. Kế toán Nhà máy
	06/2010 – nay	Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì – Hà Nội	Kế toán trưởng Công ty
14	Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng - Công ty CP Sứ Viglacera Thanh Trì		
15	Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:		
16	Số cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm 01/11/2016): 1.636 cổ phần (chiếm 0,109% tổng số cổ phần đang lưu hành). <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu: 1.636 cổ phần (chiếm 0,109% tổng số cổ phần đang lưu hành) • Đại diện : 0 cổ phần (chiếm 0% tổng số cổ phần đang lưu hành) 		
17	Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: <ul style="list-style-type: none"> • Tên: Nguyễn Hồng Dung (quan hệ: Em gái): 5.000 cổ phiếu (chiếm 0,333% tổng số cổ phần đang lưu hành) 		
18	Hành vi vi phạm pháp luật:	Không	
19	Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
20	Lợi ích liên quan đối với Công ty	Không	
21	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không	

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*):

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

+ Công ty có 344 cán bộ, công nhân viên được thể hiện cơ cấu theo bảng sau:

Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Thạc sỹ	02	0,58
2. Đại học	40	11,63
3. Cao đẳng	38	11,05
4. Trung cấp	2	0,58
5. Công nhân kỹ thuật	262	76,16
TỔNG CỘNG	344	100

+ Chính sách đối với người lao động

Về chế độ tiền lương, tiền thưởng: Công ty thực hiện quy chế trả lương theo đúng quy định của Tổng công ty Viglacera- CTCP, các chế độ phụ cấp theo lương, chế độ ốm đau, thai sản ... được thực hiện nghiêm túc, khuyến khích thưởng cho tập thể, cá nhân thông qua cơ chế khoán, phát động thi đua sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Về quy chế dân chủ: trong những năm qua, Công ty đã xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Hàng năm tổ chức Hội nghị người lao động, hàng quý tổ chức đối thoại người lao động từ đó có kế hoạch cho các cá nhân và bộ phận giải quyết mọi thắc mắc, đề xuất đúng của người lao động.

Về công tác đào tạo: Nguồn nhân lực được lãnh đạo Công ty quan tâm và triển khai một cách liên tục và thường xuyên ở mọi chức danh công việc .

Về công tác bảo hộ lao động cấp phát bảo hộ lao động cho công nhân theo đặc tính công việc của từng công đoạn theo đúng kỳ hạn. Công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ được quan tâm đúng mức, kịp thời.

Ngoài ra công ty còn chăm lo về đời sống cho CBCNV như: tổ chức tham quan, nghỉ mát; tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 01/6, các cháu có thành tích xuất sắc trọng học tập; tổ chức hoạt động giao lưu gặp gỡ, đi thăm quan nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, nhà thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12; phát động phong trào TDTT, VHVN...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. Incase the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

-Đầu tư 6 băng đồ bột liền, 2 băng đồ kết nước cho bộ phận đồ rót

- Đầu tư 2 máy khử từ điện cho bộ phận gia công nguyên liệu và 2 máy cung cấp hồ bằng hút chân không và sấy nóng cho bộ phận đồ rót

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ *(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies)*.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	% tăng giảm/ % change
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	89.310.279.985	96.696.265.638	108
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	196.788.120.530	217.330.323.924	110
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	5.759.183.135	20.939.256.664	364
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	540.662.056	-12.021.899.685	-2.224
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	6.299.845.191	8.917.356.979	142
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	5.641.423.009	3.798.388.262	67
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i> <i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/ *depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm/Year 2015	Năm/Year 2016	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	0,71	0,73	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,12	0,09	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,69	0,68	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	2,26	2,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	5,3	4,9	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,2	2,2	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,03	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,21	0,14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	0,06	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/	0,03	0,1	

Net revenue Ratio)

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

Chỉ tiêu/Figures	Năm/Year X-1	Năm/Year X	Ghi chú/Note
1. Quy mô vốn/ Capital scale			
- Vốn điều lệ/ Charter Capital			
- Tổng tài sản có/ Total assets			
- Tỷ lệ an toàn vốn/Capital adequacy ratio			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Operating results			
- Doanh số huy động tiền gửi/ Cash deposits			
- Doanh số cho vay/Lendings			
- Doanh số thu nợ/Debt collection			
- Nợ quá hạn/ Outstanding debts			
- Nợ khó đòi/Bad debt			
- Hệ số sử dụng vốn/ Incremental Capital Output Ratio			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh (Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (Overdue outstanding debts/ Total debt Ratio)			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ (Bad debt/Total debt Ratio)			
3. Khả năng thanh khoản/ Solvency			
- Khả năng thanh toán ngay/Short term solvency			
- Khả năng thanh toán chung/ General solvency			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ

công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 1.500.000. cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 1.500.000. cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/*Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).*

(Theo danh sách do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm gần nhất là 02/03/2017)

- Số lượng cổ đông tổ chức: 3 tổ chức nắm giữ 979.440 cổ phần chiếm 65,30 %
- Số lượng cổ đông cá nhân: 382 cá nhân nắm giữ 520.560 cổ phần chiếm 34,70%
- Số lượng cổ đông trong nước: 385 cổ đông trong nước nắm giữ 1.500.000 cổ phần chiếm 100%
- Số lượng cổ đông Nhà nước: 01 cổ đông Nhà nước nắm giữ 944.440 cổ phần chiếm 62,96%
- Số lượng cổ đông khác: 384 cổ đông khác nắm giữ 555.560 cổ phần chiếm 37,04%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./*Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.* Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating*

securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance.: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials:*

Nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất sứ vệ sinh chủ yếu là Cao lanh, đất sét, Feldspar, men, màu và các chất phụ gia khác. Công ty luôn kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, đảm bảo dự trữ nguồn nguyên liệu ổn định từ 6 tháng đến 1 năm sản xuất.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption:*

Nhiên liệu chủ yếu dùng trong sản xuất là khí GAS và khí CNG

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

Công ty sử dụng nguồn nước giếng khoan đã được kiểm định tại trung tâm y tế dự phòng Hà Nội đạt tiêu chuẩn quy định.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection:*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.:* Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.* Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

- Công ty có 344 cán bộ, công nhân viên

- Thu nhập bình quân trong năm của lao động: 9,314 triệu đồng/ người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

- Khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên 1 lần / năm

- Cấp phát bảo hộ lao động theo đặc thù công việc của từng công đoạn sản xuất

- Đào tạo, hướng dẫn về công tác ATLD, PCCN, phòng chống lụt bão

- Cải tạo khu văn phòng, nhà xưởng tạo môi trường trong sạch giảm thiểu bụi trong không khí

- Chế độ phụ cấp hỗ trợ thêm cho người lao động: xăng xe, thâm niên công tác, điện thoại, hỗ trợ thêm cho công nhân làm ca 1 bữa ăn trưa, bữa ăn đêm cho công nhân làm ca 3

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Training employees*

Năm 2016 Công ty đã tổ chức đào tạo cho 620 lượt cán bộ công nhân viên về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, ISO với số tiền là 43.400.000 đ. Công ty đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Viglacera đào tạo lớp cao đẳng nghề, các lớp văn hóa doanh nghiệp, kỹ năng nghề

cho 114 lượt cán bộ công nhân viên với số tiền là: 177.205.000 đ. Ngoài ra Công ty có cử 02 lãnh đạo, cán bộ tham gia khóa đào tạo đầu tư xây dựng đầu thầu; 01 cán bộ tham gia khóa đào tạo lớp kế toán, kiểm toán viên; 03 cán bộ công nhân viên tham gia tập huấn chế độ chính sách tiền lương do Tổng công ty Viglacera - CTCP tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Công ty luôn chú trọng các hoạt động phát triển cộng đồng như

- Ủng hộ bằng tiền: cho đồng bào miền trung bị lũ lụt, hội những người bị chất độc màu da cam;

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ (As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).

Năm 2016 thị trường bất động sản có nhiều chuyển biến tích cực, phân khúc bất động sản phát triển mạnh, giá gas, dầu trong nước giảm giúp cho đơn vị giảm chi phí đầu vào của các mặt hàng liên quan.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/The Company's achievements.

+Đề năng cao năng xuất lao động Công ty đã đầu tư thêm 6 băng bột liền, 2 băng kết nước.

+Đề năng cao chất lượng sản phẩm giảm khuyết tật sản xuất Công ty đã đầu tư thêm 2 máy khử từ điện cho bộ phận gia công nguyên liệu, 2 máy cung cấp hồ bằng hút chân không và sấy nóng cho bộ phận đồ rót.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

Năm 2016 tổng tài sản tăng 8,27% tương ứng 7.386 triệu đồng so với năm 2015. Tài sản ngắn hạn tăng 7.208 triệu đồng so với năm 2015 chủ yếu là tăng hàng tồn kho

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
Nợ ngắn hạn (1)	57.884.343.879	65.937.941.270
- Phải trả cho người bán	10.561.564.604	8.461.060.527
- Người mua trả tiền trước	254.848.827	251.852.764
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	779.596.727	3.674.600.365
- Phải trả cho nhân viên	3.007.124.940	3.966.191.739
- Chi phí phải trả	674.970.226	1.450.739.392
- Các khoản phải trả khác	1.447.856.488	1.509.366.952
- Vay và nợ thuê TC ngắn hạn	41.035.683.087	34.174.880.551
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	12.000.000.000
- Quỹ khen thưởng Phúc Lợi	122.698.980	449.248.980
Nợ dài hạn (2)	4.057.000.000	57.000.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 và năm 2016)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*: Công ty thực hiện cơ cấu lại bộ máy tổ chức, sắp xếp định biên lao động theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future*: Trở thành doanh nghiệp sản xuất sứ vệ sinh số 1 Việt Nam

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved).*: Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*: Hàng năm Công ty tiến hành quan trắc, đo kiểm môi trường lao động, các chỉ số về môi trường tốt trong giới hạn cho phép.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

Năm 2016 nền kinh tế nước ta có mức tăng trưởng GDP đạt 6,21% thấp hơn so với năm 2015 là năm đầu tiên có mức tăng trưởng chậm lại kể từ năm 2012. Trong năm qua Hội đồng quản trị đã định hướng cho Công ty tập trung nâng cao chất lượng, ổn định sản xuất phát huy tối đa công suất máy móc thiết bị, cung cấp cho thị trường sản phẩm tốt, mẫu mã đẹp, khẳng định thành công của việc tái cơ cấu, sự đoàn kết gắn bó, tập trung cao độ của toàn bộ CBCNV Công ty. Do luôn bám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nên Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời trực tiếp chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*

Được sự chỉ đạo và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh theo tháng, quý, năm nên Ban giám đốc đã luôn cố gắng hoàn thành tốt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*

- Tăng trưởng bền vững, phát huy các dây chuyền hiện có.
- Đào tạo và tăng năng suất lao động so với 2016
- Xây dựng chuỗi cung ứng chất lượng
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh
- Đầu tư cải tạo chuyển đổi khí GAS sang khí CNG
- Đưa chất lượng sản phẩm và mẫu mã vượt các đối thủ cạnh tranh , tiên phong môi trường SX công nghệ xanh.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/*Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).*

1. *Hội đồng quản trị/ Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify*

independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee).*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings.:*

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings).:*

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/ list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company).*

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results of the Board of Supervisors meetings).:*

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).*

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/*Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General*

Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights.*).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ *Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance*).:

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions
Số : 156/2017/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì được lập ngày 08 tháng 01 năm 2017 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu

cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sứ Viglacera Thanh Trì tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2290-2015-002-1

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

Toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần sứ Viglacera Thanh Trì được công bố tại website: <http://viglacera ThanhTri.vn/>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Anh